

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/01/2023

V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thanh

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2022/QĐST ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm 7, xã NP, huyện NL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã NP, huyện NL, tỉnh Nghệ An. Hiện trú tại: Cộng hòa liên bang Nga. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị K trình bày: Trong đơn xin ly hôn đề ngày 20/9/2022 và bản tự khai chị Nguyễn Thị K trình bày: Ngày 02/03/2007, chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NP, huyện NL, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Năm 2010, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh T đã đi xuất khẩu lao động ở nước Nga, từ đó đến nay chưa về. Thời gian đầu sau khi anh T đi sang Nga thì vợ chồng vẫn thường

xuyên liên lạc, thăm hỏi nhau và anh T có gửi tiền về cho vợ con. Nhưng đến năm 2016, thì anh T ít liên lạc với chị và tìm hiểu thì được biết ở bên Nga anh T không chịu làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, rượu chè, quan hệ nam nữ không lành mạnh. Sau khi biết được sự việc thì chị đã khuyên răn nhưng anh T không những không nghe mà còn chơi bời nhiều hơn, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy K (sinh ngày: 07/05/2008). Hiện cháu K đang ở với chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Cháu K cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh Nguyễn Văn T có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án...cho anh Nguyễn Văn T thông qua bà Ngô Thị Thiệu là mẹ của anh T; thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật, nhưng hiện anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt và cũng không có lý do.

Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 21440/QLXNC-P5 ngày 13/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an: Anh Nguyễn Văn T có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 02/6/2010, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo trình bày của bà Ngô Thị T thì anh T có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói địa chỉ hiện tại của anh T ở đâu và anh T nên bà không có địa chỉ của anh T cung cấp cho Tòa án. Bà cũng đã thông báo việc chị K làm đơn ly hôn với anh T, anh T nói với bà đồng ý việc ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, cho chị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; giao con chung của vợ chồng cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng,

chia tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ trước khi đi nước ngoài tại xã NP, huyện NI, tỉnh Nghệ An; anh T hiện đang sinh sống tại Liên bang Nga. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng cho bà Ngô Thị T (là mẹ đẻ của anh T), đề nghị bà T thông báo cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị K. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định hoãn phiên tòa, tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài và yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nhưng bà T không cung cấp được. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần đối với anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2007. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016, khi anh T đang ở nước ngoài, nhưng không được hàn gắn, giải quyết. Đến nay anh T không quan tâm đến gia đình, không chăm lo làm ăn kinh tế, không gửi tiền về chăm sóc gia đình. Hai vợ chồng không còn cùng hướng đến xây dựng hạnh phúc. Khi biết chị K xin ly hôn tại Tòa án, anh T cũng đã đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị

Nguyễn Thị K. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3.2] Về con chung: Chị K và anh T có một con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày, 07/05/2008, hiện cháu K đang ở với chị K. Anh T đang ở nước ngoài chưa có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung, nên cần giao cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị K và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3.3] Tài sản chung, nợ: Chị Nguyễn Thị K chưa yêu cầu giải quyết và anh Nguyễn Văn T cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị K.

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] Con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K sinh ngày 07/5/2008 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012267 ngày 07/11/2022.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Chị Nguyễn Thị K vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã NP, huyện NL, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA. TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường